

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Số hiệu gói thầu: HH 17

Tên gói thầu: Mua dịch vụ hỗ trợ phần mềm Hệ điều hành Linux năm 2024 - 2025 cho Hệ thống eGP

Phát hành ngày:17/5/2024.....

Tư vấn lập hồ sơ yêu cầu
(nếu có)
[ghi tên, đóng dấu]

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển
Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

[ghi tên, đóng dấu]

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Cường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

IDNES	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (muasamcong.mpi.gov.vn)
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Nội dung đấu thầu

- 1.1. IDNES mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.
- 1.2. Loại hợp đồng: trọn gói.
- 1.3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Hành vi bị cấm

- 2.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
- 2.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp trái phép vào hoạt động mua sắm.
- 2.3. Thông thầu:
 - a. Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSYC hoặc rút HSYC để một bên trúng thầu.
 - b. Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.
 - c. Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSYC nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSYC hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
- 2.4. Gian lận: Cố ý trình bày sai hoặc làm sai lệch, cung cấp không trung thực thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong quá trình mua sắm nhằm thu được lợi ích cho mình, làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ.
- 2.5. Cản trở:
 - a. Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;
 - b. Cản trở người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
 - c. Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
 - d. Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
 - e. Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.
- 2.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch:
 - a. Nhà thầu tham dự gói thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ xây lắp do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;
 - b. Đứng tên tham dự thầu đối với gói thầu trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại IDNES;
- 2.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:
 - a. Nội dung HSYC trước thời điểm phát hành;
 - b. Nội dung HSĐX, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐX trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- c. Nội dung yêu cầu làm rõ HSDX của IDNES và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDX trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - d. Báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo của nhà thầu dịch vụ tư vấn, báo cáo của đơn vị chuyên môn trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - e. Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
 - f. Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được coi là tài liệu bảo mật theo quy định của IDNES.
- 2.8. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

3.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- b. Hạch toán tài chính độc lập;
- c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
- d. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự chào hàng;
- e. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- f. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;
- g. Nhà thầu tham dự chào hàng và nhà thầu dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

3.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- b. Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- c. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, f và g Mục 3.1, Chương I, Chỉ dẫn nhà thầu.

3.3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là Nghị định số 24/2024/NĐ-CP) được tham dự thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;
- b. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e, f và g Mục 3.1, Chương I, Chỉ dẫn nhà thầu.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

4.1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến IDNES thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì IDNES phải tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục

quy định tại Khoản 2 Mục này.

Nhà thầu cần thường xuyên cập nhật thông tin về sửa đổi, làm rõ E-HSYC trên Hệ thống để bảo đảm cho việc chuẩn bị HSDX phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của HSYC.

4.2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC thì bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi HSYC và HSYC đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm). Việc sửa đổi HSYC được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu bằng việc sửa đổi HSYC. Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, IDNES có thể gia hạn thời điểm đóng thầu dừng nhận HSDX tương ứng.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

5.1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

5.2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND

5.3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa IDNES và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng ngôn ngữ của HSYC. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

6.1. Đơn chào hàng theo Mẫu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>)

6.2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;

6.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu;

6.4. Bảng giá chào theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu;

6.5. Bản cam kết thực hiện gói thầu theo mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;

6.6. Các nội dung khác:

- Các tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm theo tiêu chí tại **Mục 2, Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.**
- Tiến độ cung cấp hàng hóa phù hợp với yêu cầu nêu tại **Phần II, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu;**
- Nhà thầu có cam kết tài liệu bàn giao theo yêu cầu tại **Mục 2, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.**
- Nhà thầu có cam kết hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu tại **Mục 2, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.**

Mục 7. Giá chào và giảm giá

7.1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

7.2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn

giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

7.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn chào hàng. Giá trị giảm giá được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

7.4. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 07 ngày trước ngày dừng nhận HSDX theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

8.1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày dừng nhận HSDX. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

8.2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, IDNES có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu

9.1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Thư bảo lãnh áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà thầu liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSYC. Trường hợp HSYC được gia hạn hiệu lực thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2, Chương I, Chỉ dẫn nhà thầu; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSYC của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

b. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 9.2, Chương I, Chỉ dẫn nhà thầu. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của

pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu.

9.2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a. Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: **8.700.000 VND** (Bằng chữ: Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng./.)

b. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: **60 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

c. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu dưới 20 triệu đồng, nhà thầu không cần nộp bảo lãnh dự thầu. Trường hợp này, nhà thầu có cam kết về việc nếu được mời vào thương thảo hợp đồng nhưng không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng hoặc vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu thì phải nộp một khoản tiền theo quy định của hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của bên mời thầu.

9.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 9.2 CDNT, không đúng tên IDNES (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES.

9.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

9.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSYC sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSYC;

b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;

d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của IDNES, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Công văn thông báo KQLCNT.

Mục 10. Quy cách HSDX

10.1. IDNES có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà thầu.

10.2. HSDX phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

10.3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

10.4. Nhà thầu nộp HSDX qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDX đối với một thông báo mời chào hàng khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (đại diện liên danh) hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp HSDX.

10.5. Nhà thầu nộp HSDX (bản scan HSDX có đủ chữ ký, dấu (nếu có) của nhà thầu) qua

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia không muộn hơn **10 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 5 năm 2024**, tiêu đề ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_ [Tên nhà thầu]_ Bản gốc HSDX”. Trường hợp sửa đổi, tiêu đề bản mềm HSDX sửa đổi phải ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_ [Tên nhà thầu]_ Bản sửa đổi HSDX”. Các HSDX sửa đổi được gửi đến IDNES sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được xem xét.

10.6. Nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu phải nộp 01 bản gốc HSDX cho IDNES trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được công văn mời thương thảo hợp đồng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

11.1. IDNES sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm dừng nhận HSDX. Trường hợp nhà thầu nộp HSDX sau thời điểm dừng nhận HSDX thì HSDX bị loại.

11.2. Sửa đổi, nộp lại HSDX: Trường hợp cần sửa đổi HSDX đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút HSDX đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDX, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDX mới. Trường

11.3. Rút HSDX: nhà thầu được rút HSDX trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDX (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDX của nhà thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDX nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

Mục 12. Làm rõ HSDX

12.1. Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của IDNES.

12.2. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

13.1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà thầu có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

13.2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu; HSYC.

13.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b. Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào hàng nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì IDNES yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì IDNES xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c. Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự chào hàng thấp nhất trong số các HSDX của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức

đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

13.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

a. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

b. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

13.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, IDNES xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt

Nhà thầu được xem xét lựa chọn thực hiện gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

14.1. Có HSDX hợp lệ;

14.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

14.3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

14.4. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;

14.5. Có giá đề nghị chào hàng không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Công ty.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

16.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

16.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, IDNES tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, IDNES sẽ hủy quyết định lựa chọn nhà thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

16.3. Hợp đồng ký kết sử dụng mẫu hợp đồng quy định tại HSYC hoặc một mẫu khác được IDNES chấp thuận.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, IDNES có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá: Không yêu cầu và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a. Có bảo đảm dự thầu đáp ứng quy định tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành Hồ sơ yêu cầu; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định.

b. Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES;

c. Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

d. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

e. Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện.

f. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu. Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

g. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

STT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá
-----	-------------------	------------------

		Đạt	Không đạt
1	Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định thành lập doanh nghiệp/Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ hoặc các giấy tờ tương đương chứng minh hoạt động hợp pháp theo quy định của Pháp luật.		
2	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .		
3	Là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, báo cáo tài chính 03 năm liên tiếp (năm 2021, 2022, 2023) trong đó thể hiện khả năng kinh doanh, kết quả kinh doanh có lãi ⁽²⁾ .		
4	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽³⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.		
5	Không bị cơ quan thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả hoặc đang trong quá trình giải thể.		
6	Đã hoàn thành ít nhất 01 hợp đồng tương tự ⁽⁴⁾ cung cấp phần mềm/license liên quan đến Hệ điều hành Linux, trong đó hợp đồng có giá trị tối thiểu 609.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Sáu trăm lẻ chín triệu đồng./.</i>).		
Kết luận ⁽¹⁾			

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(2) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế và kết quả kinh doanh có lãi.

(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

(4) Đối với hợp đồng tương tự, Nhà thầu phải cung cấp bản chụp có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các văn bản, tài liệu có liên quan đến hợp đồng đó (*bao gồm: Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo hợp đồng; Hóa đơn, Biên bản thanh lý hợp đồng đã thực hiện xong*). Trong trường hợp liên danh thì các thành viên trong liên danh phải có số hợp đồng theo quy định, tương ứng với phạm vi công việc và tỉ lệ đảm nhiệm trong liên danh. Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Phạm vi cung cấp	Phạm vi cung cấp đáp ứng yêu cầu tại Phần II, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.	Đạt
	Phạm vi cung cấp không đáp ứng yêu cầu tại Phần II, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.	Không đạt

2. Tiến độ thực hiện	Tiến độ cung cấp do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu tại Phần II, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.	Đạt
	Tiến độ cung cấp do nhà thầu chào không đáp ứng yêu cầu tại Phần II, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu.	Không đạt
3. Tài liệu bàn giao	Nhà thầu có cam kết cung cấp các tài liệu bàn giao tại Mục 1, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết cung cấp các tài liệu bàn giao tại Mục 1, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu	Không đạt
4. Hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng	Nhà thầu có cam kết cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu tại Mục 2, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu tại Mục 2, Phần III, Chương IV. Yêu cầu đối với gói thầu	Không đạt
Kết luận ⁽¹⁾		

Ghi chú:

(1) Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi

hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi IDNES cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực

hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

*Nhà thầu khai webform Đơn dự thầu trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
(<https://muasamcong.mpi.gov.vn>)*

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói thầu _ [Ghi tên gói thầu]:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với IDNES trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với IDNES nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho IDNES cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày _____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại, số fax _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự chào hàng gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với IDNES trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được lựa chọn;

- Hủy gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>	(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)						M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu. Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 05b. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1	2	3	4	5	6	7	8
STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>							(I)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) bên mời thầu ghi phù hợp với Bảng dịch vụ liên quan quy định tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

Các cột (7), (8) do nhà thầu chào.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm hồ sơ yêu cầu do _____ [IDNES] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về dự án

Chính phủ Việt Nam coi việc ứng dụng hệ thống đấu thầu điện tử trong mua sắm là một công cụ quan trọng để đạt được tính minh bạch, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong mua sắm và góp phần giảm tham nhũng trong các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước. Chính phủ đã yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) quản lý dự án và quản lý vận hành hệ thống này.

Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và vận hành hệ thống thí điểm đấu thầu điện tử (muasamcong.mpi.gov.vn) từ năm 2009 đến năm 2011. Hệ thống đấu thầu điện tử thí điểm bao gồm các phân hệ ứng dụng hỗ trợ đấu thầu mua sắm hàng hóa, cổng thông tin và hệ thống quản lý người dùng. Trên cơ sở kết quả tích cực của hệ thống thí điểm và số lượng bên mời thầu, nhà thầu đăng ký sử dụng hệ thống tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tiếp tục thí điểm hệ thống đến cuối năm 2013 nhằm làm cơ sở cho việc triển khai trên toàn quốc trong thời gian tới. Từ năm 2015 trở đi hệ thống chính thức được sử dụng đăng tải thông tin về đấu thầu trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng một Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ e-GP ("Hệ thống e-GP") trong khuôn khổ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2025 và Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2025, nhằm triển khai đấu thầu điện tử trên toàn quốc.

Hệ thống e-GP được triển khai thông qua hình thức đối tác công tư (PPP). Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chọn làm Nhà đầu tư và IDNES là doanh nghiệp dự án được thành lập để thực hiện Dự án. IDNES, đơn vị ký kết hợp đồng cho các gói thầu, đang tìm kiếm các Nhà thầu phụ để hỗ trợ cho việc chuẩn bị và triển khai dự án.

- Mục tiêu dự án: Mục tiêu tổng thể của Dự án là ứng dụng các tiến bộ của CNTT, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành một cách bền vững Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ (Hệ thống e-GP) nhằm quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên cơ sở đảm bảo an toàn, cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Mục tiêu chi tiết của dự án:

1. Xây dựng hệ thống quy trình về đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
2. Xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý đấu thầu qua mạng, cải tiến nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, chuẩn hoá và mẫu hoá các văn bản, tài liệu, biểu mẫu trong đấu thầu phục vụ đấu thầu qua mạng tại Việt Nam.
3. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ quá trình triển khai đấu thầu qua mạng.

4. Xây dựng hệ thống ứng dụng gồm 11 hệ thống thành phần, bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding), Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall), Quản lý hợp đồng qua mạng (e-Contract), Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện

tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier's Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống này. Sẵn sàng kết nối và tích hợp với các hệ thống chính phủ điện tử khác của Việt Nam.

5. Tổ chức đào tạo nghiệp vụ đấu thầu qua mạng cho các cơ quan quản lý đấu thầu, các Bên mời thầu và cộng đồng các doanh nghiệp tham gia Hệ thống e-GP. Triển khai các chương trình nâng cao nhận thức cho cộng đồng trong và ngoài nước về đấu thầu qua mạng tại Việt nam.

6. Đảm bảo tất cả các thông tin về đấu thầu như danh sách bên mời thầu, kế hoạch đấu thầu, thông báo mời thầu, danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu, kết quả đấu thầu được đăng tải trên Hệ thống; từng bước tăng dần số lượng gói thầu thực hiện qua mạng.

Hiện tại, Hệ thống eGP đang trong giai đoạn vận hành và bảo trì. Để có thể đảm bảo tính ổn định và thông suốt của Hệ thống eGP, IDNES cần gia hạn license của phần mềm Linux trong thời gian sớm nhất.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Lựa chọn được nhà thầu mua sắm dịch vụ hỗ trợ phần mềm Hệ điều hành Linux để tiếp tục gia hạn dịch vụ hỗ trợ từ Tháng 6/2024 đến Tháng 6/2025.

II. PHẠM VI VÀ TIẾN ĐỘ CUNG CẤP HÀNG HÓA

1. Phạm vi gói thầu

Hàng hóa mua sắm trong gói thầu yêu cầu cung cấp tại địa chỉ của Chủ đầu tư tại Hà Nội.

2. Danh mục và tiến độ cung cấp hàng hóa

Nhà thầu được yêu cầu gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của phần mềm Hệ điều hành Linux 01 năm (2024 – 2025) với nội dung cụ thể:

Bảng A. Danh mục và tiến độ cung cấp hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm bàn giao	Tiến độ cung cấp (ngày)
Gia hạn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của phần mềm Hệ điều hành Linux 1 năm (Tháng 6/2024 – Tháng 6/2025) cho Hệ thống eGP			Bộ	1	Tầng 8 Tòa tháp VIT TOWER, số 519 Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	M0+20
1	Red Hat Enterprise Linux Server, Standard (Physical or Virtual Nodes)	RH00004	Dịch vụ	7		
2	Red Hat Enterprise Linux for Virtual Datacenters, Standard	RH00002	Dịch vụ	7		

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm bàn giao	Tiến độ cung cấp (ngày)
3	Red Hat Enterprise Linux Server, Premium (Physical or Virtual Nodes)	RH00003	Dịch vụ	1		
4	Red Hat Enterprise Linux for Virtual Datacenters, Standard	RH00002	Dịch vụ	2		
5	Resilient Storage for Unlimited Guests	RH00060	Dịch vụ	1		

* M0: là ngày Hợp đồng có hiệu lực;

III. TRIỂN KHAI BÀN GIAO VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC

1. Bàn giao hàng hóa

1.1. Quy định về hàng hóa

- Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của phần mềm Hệ điều hành Linux chính hãng và có thời gian hỗ trợ kỹ thuật là 01 năm (tính từ Tháng 6/2024 đến Tháng 6/2025).

1.2. Quy định về tài liệu

Hàng hóa khi bàn giao cho Chủ đầu tư phải kèm theo đầy đủ các tài liệu liên quan. Các tài liệu khi bàn giao phải là Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh. Nếu bản gốc không phải là Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh thì nhà thầu phải dịch ra một trong hai thứ tiếng nói trên. Cụ thể các tài liệu bàn giao bao gồm:

- Bản quyền phần mềm (License Certificate) của nhà sản xuất, thông tin bản quyền phải chính hãng thể hiện dưới dạng bản cứng hoặc email của nhà sản xuất;
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, kích hoạt và vận hành phần mềm của nhà sản xuất (User Guide/ User Manual).

2. Hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng

2.1. Hỗ trợ kỹ thuật

- Trong thời gian hỗ trợ kỹ thuật, khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải có trách nhiệm liên hệ và phối hợp với hãng/nhà cung cấp để xử lý sự cố trong suốt thời gian Bảo hành, nhà thầu có trách nhiệm tiếp nhận sự cố trong 24 giờ/ngày và tất cả các ngày trong tuần (trừ các ngày Lễ, Tết).

- Thời gian thực hiện dịch vụ bảo hành/ hỗ trợ kỹ thuật là theo quy định tại **Bảng A. Danh mục và tiến độ cung cấp hàng hóa.**

2.2. Các dịch vụ sau hỗ trợ kỹ thuật

Sau khi hết thời gian hỗ trợ kỹ thuật, nếu Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu có trách nhiệm nỗ lực đàm phán về giá với hãng/nhà sản xuất để có thể cung cấp cho IDNES dịch vụ với giá hợp lý.

3. Kiểm tra và nghiệm thu

TT	Mục yêu cầu	Các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết
1	Bàn giao hàng hóa	Chủ đầu tư sẽ kiểm tra tính hợp pháp và số lượng của dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của hãng (License Certificate) (tính hợp pháp) theo hợp đồng đã ký.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Mua dịch vụ hỗ trợ phần mềm Hệ điều hành Linux năm 2024 - 2025 cho Hệ thống eGP

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [*Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13*];

- Căn cứ ____ [*căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*];

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu được lựa chọn ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243 7950 338

Fax: _____

E-mail: contact@idnes.onmicrosoft.com

Tài khoản: _____

Mã số thuế: 0108930466

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu được lựa chọn*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B gửi đủ các hồ sơ thanh toán bao gồm các sản phẩm yêu cầu với từng đợt thanh toán.
 - b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày ~~các sản phẩm theo yêu cầu được xác nhận nghiệm thu và Bên B nộp đủ các chứng từ thanh toán theo yêu cầu của mỗi đợt thanh toán.~~
 - c) Số lần thanh toán: 01 lần

Bên B sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi Bên B bàn giao toàn bộ hàng hóa quy định **Phần II, Chương IV. Yêu cầu của gói thầu** cho Bên A và Bên A nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bao gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán: 01 bản gốc;

- Hóa đơn tài chính tương ứng giá trị dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật đã được bàn giao và nghiệm thu: 01 bản gốc;
- Bản quyền dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật (License Certificate) của nhà sản xuất, thông tin bản quyền phải chính hãng thể hiện dưới dạng bản cứng hoặc email của nhà sản xuất: 01 bản gốc;
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng, kích hoạt và vận hành phần mềm của nhà sản xuất (User Guide/ User Manual): 02 bản gốc;
- Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa của các bên liên quan: 02 bản gốc;
- Biên bản thanh lý hợp đồng có chữ ký xác nhận của hai bên: 02 bản gốc.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Thay đổi thông tin pháp nhân của hai bên hoặc những thay đổi liên quan đến các điều khoản của hợp đồng với điều kiện các thay đổi này phải được thông báo trước và nhận được sự chấp thuận của hai bên bằng văn bản.
- Thay đổi thuế GTGT theo quy định của Chính phủ.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- b) Bên B bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 45 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Mọi tranh chấp phát sinh từ và liên quan tới hợp đồng này sẽ được hai Bên ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng. Trường hợp thương lượng không thành, tranh chấp sẽ được đưa ra xử lý tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 11. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết hai bên ký kết hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên A giữ 02 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
CHỦ ĐẦU TƯ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05]